

KHẢO SÁT VIỆC ĐÁNH GIÁ TÍNH CẦN THIẾT CỦA ĐẶC ĐIỂM NGHỀ DẠY HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN NĂM CUỐI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN VĂN ĐIỀU*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả khảo sát đánh giá của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM) về tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học. Kết quả cho thấy SV đánh giá cao nhất là đạo đức, tiếp đến là những đặc điểm mang tính nghề nghiệp và cuối cùng là đặc điểm mang tính cá nhân.

Từ khóa: đặc điểm nghề dạy học, đạo đức.

ABSTRACT

*Researching on the evaluation of how necessary features
of teaching career are to seniors at Ho Chi Minh University of Education*

The article presents the result of a research and an evaluation conducted by students at Ho Chi Minh University of Education on how necessary features of teaching career are. The findings show that what is appreciated the most is ethics, then the professional features come to the second, and the individual ones come to the lowest. The results are appropriate to the reality at HCMUE.

Keywords: teaching characteristics, ethics.

1. Đặt vấn đề

Đặc điểm nghề có liên quan đến những phẩm chất nghề nghiệp, do đó, đặc điểm nghề có liên quan đến phẩm chất mang tính xã hội và kỹ thuật. Bên cạnh đó, có những phẩm chất nghề nghiệp liên quan đến mặt tâm lý. Trong thực tế, theo Bob Kizlik [4], nghề nghiệp có một số đặc điểm sau đây:

- Mỗi nghề nghiệp có liên quan một lĩnh vực nhu cầu hoặc chức năng xác định (ví dụ: duy trì sức khỏe thể chất và cảm xúc, đảm bảo các quyền và tự do, tăng cường cơ hội học hỏi).

- Nghề nghiệp, khi xét về phương diện tập thể và chuyên nghiệp, cá nhân sở hữu một khối lượng kiến thức, một nhóm

hành vi và các kỹ năng (văn hóa chuyên nghiệp) cần thiết trong việc thực hành nghề nghiệp, nhưng thường không có ở những người không chuyên.

- Nghề nghiệp này dựa trên một hoặc nhiều môn học củng cố, từ đó xây dựng kiến thức và kỹ năng ứng dụng riêng của nó.

- Nghề nghiệp chấp nhận theo các tiêu chuẩn hiệu suất để được vào nghề và tiếp tục theo nghề nghiệp đó.

- Việc chuẩn bị và kích thích vào nghề được cung cấp thông qua một chương trình chuẩn bị lâu dài, thường là trong một trường chuyên nghiệp thuộc một trường cao đẳng hoặc đại học.

- Có mức độ lòng tin cao của công chúng và sự tự tin trong nghề nghiệp. Và với những người hành nghề cá nhân, thì

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

dựa trên khả năng được chứng minh của nghề nghiệp để cung cấp dịch vụ rõ rệt hơn về các lĩnh vực khác trong tương lai.

Những đặc điểm nghề nghiệp nêu trên cho thấy việc nghiên cứu đánh giá tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học đối với SV năm cuối Trường ĐHSPTPHCM là rất cần thiết, nhằm giúp SV ý thức hơn về nghề dạy học và phấn đấu rèn luyện để đạt được những phẩm chất có thể đáp ứng những đặc điểm mà nghề dạy học yêu cầu.

2. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

2.1. Dụng cụ nghiên cứu

Thang đo nhận thức là một thang đo gồm 53 câu, được soạn thảo qua 2 giai

đoạn:

- Giai đoạn thăm dò thử: được thực hiện trên 116 SV để tìm hiểu những đặc điểm nghề dạy học mà các SV đã biết. Sau khi tổng hợp các câu trả lời và bổ sung từ những tài liệu liên quan, bảng thăm dò chính thức là thang đánh giá mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học.

- Giai đoạn thu thập dữ liệu: số liệu được thu thập trên 299 SV gồm các ngành tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ và ngành khác.

2.2. Mẫu chọn

Mẫu chọn và các tham số nghiên cứu liên quan được trình bày dưới đây:

Tổng cộng: 299

Giới tính	N	%
Không trả lời	3	1,00
Nam	81	27,1
Nữ	215	71,9

Năm thứ	N	%
Không trả lời	2	0,70
Năm 4	258	86,30
Năm 5	39	13,0

Hộ khẩu	N	%
Không trả lời	6	2,0
Thành phố	248	82,9
Tỉnh	45	15,1

Ngành học	N	%
Không trả lời	6	2,0
Tự nhiên	113	37,8
Xã hội	77	25,8
Ngoại ngữ	77	25,8
Khác	26	8,7

3. Kết quả khảo sát

3.1. Thang đo

- Hệ số tin cậy thang đo nhận thức: 0,942
- Độ phân cách (ĐPC) của thang đo nhận thức đặc điểm nghề dạy học

Bảng 1. ĐPC của thang đo nhận thức đặc điểm nghề dạy học

Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC	Câu	ĐPC
1	0,442	11	0,435	21	0,539	31	0,534	41	0,609
2	0,439	12	0,580	22	0,439	32	0,475	42	0,513
3	0,468	13	0,343	23	0,536	33	0,574	43	0,541
4	0,390	14	0,328	24	0,522	34	0,527	44	0,636
5	0,462	15	0,326	25	0,565	35	0,498	45	0,558
6	0,477	16	0,426	26	0,530	36	0,578	46	0,469
7	0,443	17	0,410	27	0,544	37	0,581	47	0,666
8	0,499	18	0,586	28	0,456	38	0,546	48	0,643
9	0,487	19	0,380	29	0,556	39	0,563	49	0,550
10	0,341	20	0,537	30	0,393	40	0,491	50	0,588
				51	0,598	52	0,653	53	0,591

Những câu có độ phân cách tốt: 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52 và 53.

Những câu có độ phân cách khá: 4, 10, 13, 14, 15, 19 và 30.

3.2. Kết quả đánh giá của sinh viên về mức độ cần thiết đặc điểm nghề dạy học

Ghi chú:

Một số từ viết tắt trong các bảng:

- ĐLTC: Độ lệch tiêu chuẩn
- TB: Trung bình cộng

Tùy theo thang đo, điểm trung bình cộng sẽ thay đổi. Theo kết quả này, có thể quy định về các mức như sau:

Thang 5 mức:

- TB từ 4,5 đến 5,0: mức rất cần thiết/ rất cao;
- TB từ 3,50 đến 4,49: mức khá cần thiết/ khá cao;
- TB từ 2,50 đến 3,49: mức cần thiết/ cao trung bình;
- TB dưới 2,49: mức ít cần thiết/ thấp.

3.2.1. Kết quả đánh giá chung

Bảng 2. Đánh giá mức độ cần thiết đặc điểm nghề dạy học của SV năm cuối Trường ĐHSPTPHCM

Nội dung đặc điểm nghề dạy học	TB	ĐLTC	Thứ bậc
Người trong nghề dạy học là người cần có những kỹ năng giảng dạy	4,66	0,83	1
Người trong nghề dạy học là người có thái độ trân trọng đối với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh	4,60	0,81	2

Người trong nghề dạy học là người có thái độ nghiêm túc đối với nội dung môn học	4,60	0,72	3
Người trong nghề dạy học là người có uy tín	4,54	0,87	4
Người trong nghề dạy học là người có tri thức sâu sắc về bộ môn đang được giảng dạy	4,52	0,86	5
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng giáo dục	4,51	0,88	6
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng giao tiếp	4,49	0,86	7
Người trong nghề dạy học là người được trau dồi văn hóa	4,48	0,79	8
Người trong nghề dạy học là người được cộng đồng tin nhiệm cao và tin tưởng	4,47	0,80	9
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính cách, luân lý và đạo đức	4,46	0,91	10
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng lập kế hoạch/ tổ chức	4,41	0,84	11
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng thuyết phục	4,40	0,97	12
Người trong nghề dạy học là người có ý hướng phục vụ cộng đồng	4,39	0,88	13
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng quan sát	4,36	0,91	14
Người trong nghề dạy học là người được huấn luyện chuyên môn trong thời gian lâu dài	4,35	0,92	15
Người trong nghề dạy học là người có thái độ chừng mực đối với người học	4,32	0,99	16
Người trong nghề dạy học là người có thái độ đúng đắn đối với bản thân	4,31	0,97	17
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận trách nhiệm đối với những hành động được thực hiện có liên quan đến những công việc được giao	4,30	0,85	18
Người trong nghề dạy học là người thông thạo những kỹ năng hoặc những quá trình làm việc căn bản	4,29	0,99	19
Người trong nghề dạy học là người có khối lượng tri thức và năng lực cao hơn những người không chuyên môn	4,28	0,96	20
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng phân tích	4,25	0,94	21
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục nghề nghiệp hoặc hướng nghiệp	4,21	0,97	22
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục hình	4,19	1,03	23

thành các mối quan hệ liên nhân cách			
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính tự giác	4,18	1,03	24
Người trong nghề dạy học là người có những quy định về đạo đức giúp làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng hoặc những điểm còn nghi ngờ có liên quan đến công việc được giao	4,13	0,96	25
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tinh thần công dân	4,11	1,07	26
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận trách nhiệm đối với việc đánh giá	4,08	0,97	27
Người trong nghề dạy học là người đáp ứng được những tiêu chuẩn bằng cấp hoặc những yêu cầu tuyển dụng	4,01	0,96	28
Người trong nghề dạy học là người đặt trọng tâm vào công việc được giao	4,00	1,18	29
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục tính sáng tạo và sự nhận thức thẩm mỹ	3,98	0,98	30
Người trong nghề dạy học là người cần phải quen thuộc với tri thức lí thuyết	3,92	0,99	31
Người trong nghề dạy học là người có trí tuệ phát triển	3,91	1,05	32
Người trong nghề dạy học là người được giáo dục sức khỏe thể chất và cảm xúc	3,84	1,05	33
Người trong nghề dạy học là người có tri thức sâu sắc về nội dung cấu trúc lẫn môn học liên ngành	3,83	1,00	34
Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng lãnh đạo	3,82	1,16	35
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận công việc và người học	3,74	1,34	36
Người trong nghề dạy học là người áp dụng nghiên cứu và lí thuyết vào thực tiễn (để giải quyết những vấn đề về con người)	3,73	1,05	37
Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng làm việc chân tay và trí óc	3,71	1,12	38
Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng hoạt động theo trực giác đổi mới	3,69	1,15	39
Người trong nghề dạy học là người có ý thức về bản ngã	3,69	1,18	40
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận gắn bó suốt đời với nghề nghiệp	3,62	1,17	41
Người trong nghề dạy học là người nghiên cứu về học tập và hành vi của con người	3,61	1,08	42

Người trong nghề dạy học là người tự giác quyết định trong môi trường làm việc cụ thể	3,57	1,13	43
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng số học/ tính toán	3,56	1,11	44
Người trong nghề dạy học là người làm việc trong một tổ chức tự điều hành gồm những thành viên cùng nghề nghiệp	3,52	1,15	45
Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng mang tính nghệ thuật	3,49	1,18	46
Người trong nghề dạy học là người phải đưa ra nhiều quyết định	3,45	1,25	47
Người trong nghề dạy học là người có ý thức tự công nhận	3,41	1,18	48
Người trong nghề dạy học là người có hội đoàn chuyên môn hoặc những các nhóm giỏi công nhận những thành công của cá nhân	3,38	1,23	49
Người trong nghề dạy học là người chấp nhận một tập hợp tiêu chuẩn của hoạt động	3,31	1,21	50
Người trong nghề dạy học là người tương đối tự do trong công việc giám sát chi tiết	3,07	1,08	51
Người trong nghề dạy học là người nhờ vào các nhà quản lý để đẩy nhanh công việc nghề nghiệp	2,54	1,21	52

Bảng 2 cho thấy những đặc điểm nghề dạy học được đánh giá ở các mức như sau:

- *Rất cần thiết:* Người trong nghề dạy học là người cần có những kỹ năng giảng dạy; có thái độ trân trọng đối với đồng nghiệp và phụ huynh học sinh; có thái độ nghiêm túc đối với nội dung môn học; có uy tín; có tri thức sâu sắc về bộ môn đang được giảng dạy và cần có kỹ năng giáo dục.

- *Khá cần thiết:* Người trong nghề dạy học là người cần có kỹ năng giao tiếp; được trau dồi văn hóa; được cộng đồng tín nhiệm cao và sự tin tưởng vào từng giáo viên; được giáo dục tính cách, luân lý và đạo đức; cần có kỹ năng lập kế hoạch/ tổ chức; cần có kỹ năng thuyết

phục; có hướng phục vụ cộng đồng; cần có kỹ năng quan sát; được huấn luyện chuyên môn trong thời gian lâu dài; có thái độ chùng mực đối với người học; có thái độ đúng đắn đối với bản thân; chấp nhận trách nhiệm đối với những hành động được thực hiện có liên quan đến những công việc được giao; thông thạo những kỹ năng hoặc những quá trình làm việc căn bản; có khối lượng tri thức và năng lực cao hơn những người không chuyên môn; cần có kỹ năng phân tích; được giáo dục nghề nghiệp hoặc hướng nghiệp; được giáo dục hình thành các mối quan hệ liên nhân cách; được giáo dục tính tự giác; cần có kỹ năng quan hệ với người khác; có những quy định về

đạo đức giúp làm rõ những vấn đề chưa rõ ràng hoặc những điểm còn nghi ngờ có liên quan đến công việc được giao; được giáo dục tinh thần công dân; chấp nhận trách nhiệm đối với việc đánh giá; đáp ứng được những tiêu chuẩn bằng cấp hoặc những yêu cầu tuyển dụng; đặt trọng tâm vào công việc được giao; được giáo dục tính sáng tạo và sự nhận thức thẩm mỹ; cần phải thành thạo tri thức lí thuyết; có trí tuệ phát triển; được giáo dục sức khỏe thể chất và cảm xúc; có tri thức sâu sắc về nội dung cấu trúc lẫn môn học liên ngành; cần có kĩ năng lãnh đạo; chấp nhận công việc và người học; áp dụng nghiên cứu và lí thuyết vào thực tiễn (để giải quyết những vấn đề về con người); cần có kĩ năng làm việc chân tay và trí óc; cần có kĩ năng hoạt động theo trực giác đổi mới; có ý thức về bản ngã; chấp nhận gắn bó suốt đời với nghề nghiệp; nghiên cứu về học tập và hành vi của con người; tự giác quyết định trong môi trường làm việc cụ thể; cần có kĩ năng số học/ tính toán và làm việc trong một tổ chức tự điều hành gồm những

thành viên cùng nghề nghiệp.

- *Cần thiết*: Người trong nghề dạy học là người cần có kĩ năng mang tính nghệ thuật; phải đưa ra nhiều quyết định; có ý thức tự công nhận; có hội đoàn chuyên môn hoặc các nhóm giỏi công nhận những thành công của cá nhân; chấp nhận một tập hợp tiêu chuẩn của hoạt động; tương đối tự do trong công việc giám sát chi tiết và nhờ vào các nhà quản lí để đẩy nhanh công việc nghề nghiệp.

Như vậy, chúng ta có thể kết luận rằng SV đã đánh giá các đặc điểm của nghề dạy học từ mức độ cần thiết đến rất cần thiết. Nói cách khác, khi đánh giá với mức độ cần thiết trở lên, SV sẽ có kế hoạch để học tập, rèn luyện để đạt được những đặc điểm đó.

3.2.2. *Kết quả so sánh đánh giá của SV về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo các tham số nghiên cứu*

Để thuận tiện trong việc so sánh, chúng tôi đã ứng dụng phương pháp phân tích nội dung để tìm các yếu tố của thang đo nhận thức và thực hiện so sánh trên các yếu tố. (Xem bảng 4)

Bảng 4. *Yếu tố về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học*

Yếu tố	TBDH	ĐLTC	Thứ bậc
Thái độ và tính cách đạo đức	4,37	0,62	1
Năng lực chuyên môn	4,16	0,58	2
Tri thức và kĩ năng nghề nghiệp	4,12	0,62	3
Tinh thần trách nhiệm	4,06	0,63	4
Tự ý thức và tính độc lập	3,43	0,65	5

Bảng 4 cho thấy các yếu tố của tính cần thiết được đánh giá từ cao xuống thấp như sau: thái độ và tính cách đạo đức (thứ bậc 1), năng lực chuyên môn (thứ bậc 2), tri thức và kỹ năng nghề nghiệp (thứ bậc 3), tinh thần trách nhiệm (thứ bậc 4) và tự ý thức và tính độc lập (thứ bậc 5).

Kết quả này phản ánh thực tế

cách đánh giá về SV Trường ĐHSPTPHCM theo các thứ bậc là đúng. Tuy nhiên, sự tự ý thức và tính độc lập được đánh giá không cao qua học tập và rèn luyện.

(i) *Kết quả so sánh đánh giá của SV về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo tham số nghiên cứu giới tính (xem bảng 5)*

Bảng 5. So sánh kết quả về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo giới tính

Yếu tố	Giới tính				F df=1	P
	Nam		Nữ			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Tri thức và kỹ năng nghề nghiệp	3,96	0,69	4,19	0,58	7,93	0,005
Thái độ và tính cách đạo đức	4,17	0,80	4,45	0,51	12,02	0,001
Tự ý thức và tính độc lập	3,17	0,76	3,53	0,57	19,25	0,000
Tinh thần trách nhiệm	3,80	0,78	4,16	0,53	19,85	0,000
Năng lực chuyên môn	3,98	0,70	4,24	0,51	11,76	0,001

Bảng 5 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa cách đánh giá của nam SV và nữ SV về tất cả các yếu tố tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học: tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và tính cách đạo đức, tự ý thức và tính độc lập, tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn của đặc điểm nghề dạy

học. Kết quả cho thấy nữ SV đánh giá cao hơn nam SV. Nói cách khác, nữ SV coi trọng tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học.

(ii) *Kết quả so sánh đánh giá của SV về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo tham số nghiên cứu hộ khẩu (xem bảng 6)*

Bảng 6. So sánh kết quả về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo hộ khẩu

Yếu tố	Hộ khẩu				F df=1	P
	Thành phố		Tỉnh			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Tri thức và kỹ năng nghề nghiệp	4,13	0,65	4,07	0,49	0,39	0,533
Thái độ và tính cách đạo đức	4,38	0,60	4,31	0,73	0,53	0,465
Tự ý thức và tính độc lập	3,45	0,64	3,33	0,65	1,29	0,257
Tinh thần trách nhiệm	4,09	0,63	3,93	0,60	2,32	0,128
Năng lực chuyên môn	4,19	0,57	4,05	0,64	2,08	0,150

Bảng 6 cho thấy không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa cách đánh giá của SV ở thành phố và SV ở tỉnh về tất cả các yếu tố tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học. Điều này có nghĩa là SV ở các địa phương đều đánh giá đặc điểm nghề dạy học là cần thiết ngang nhau. Kết quả này cũng nói lên trình độ hiểu

biết về đặc điểm của nghề dạy học của SV ở tỉnh không thua kém so với SV ở thành phố.

(iii) **Kết quả so sánh đánh giá của SV về tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo tham số nghiên cứu ngành học (xem bảng 7)**

Bảng 7. So sánh kết quả về mức độ cần thiết của đặc điểm nghề dạy học theo ngành học

Yếu tố	Ngành học								F df=3	P
	Tự nhiên		Xã hội		Ngoại ngữ		Khác			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Tri thức và kỹ năng nghề nghiệp	4,04	0,71	4,25	0,68	4,08	0,46	4,24	0,33	2,22	0,085
Thái độ và tính cách đạo đức	4,32	0,69	4,47	0,55	4,32	0,63	4,47	0,43	1,30	0,274
Tự ý thức và tính độc lập	3,32	0,69	3,69	0,65	3,30	0,55	3,66	0,40	7,70	0,000
Tinh thần trách nhiệm	3,95	0,67	4,31	0,57	3,93	0,61	4,25	0,43	7,48	0,000
Năng lực chuyên môn	4,04	0,66	4,37	0,44	4,10	0,56	4,28	0,45	5,74	0,001

Bảng 7 cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa cách đánh giá của SV các ngành về các yếu tố tính cần thiết của đặc điểm nghề dạy học: tự ý thức và tính độc lập, tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn của đặc điểm nghề dạy học. Trong đó, hai yếu tố “tự ý thức và tính độc lập”; “tinh thần trách nhiệm” được SV ngành xã hội đánh giá cao nhất, kế đến là SV các ngành khác, tiếp theo là SV ngành tự nhiên và cuối cùng là SV ngành ngoại ngữ. Tuy nhiên, yếu tố “năng lực chuyên môn” lại được SV ngành xã hội đánh giá cao nhất, kế đến là SV các ngành khác, tiếp theo là SV ngành ngoại ngữ và cuối cùng là SV

ngành tự nhiên. Còn hai yếu tố “tri thức và kỹ năng nghề nghiệp”; “thái độ và tính cách đạo đức” thì không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê giữa cách đánh giá của SV các ngành.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy SV Trường ĐHSPTPHCM đánh giá về những đặc điểm nghề dạy học theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau:

- SV đánh giá cao nhất những đặc điểm mang tính đạo đức của nghề dạy học, cụ thể là thái độ, tính cách, đạo đức.
- Những đặc điểm nghề dạy học mang tính chuyên môn được đánh giá cao thứ hai, cụ thể gồm năng lực chuyên

môn, tri thức và kỹ năng nghề nghiệp.

- Những đặc điểm nghề dạy học mang tính cá nhân được đánh giá cao thứ ba, cụ thể gồm những đặc điểm: tinh thần trách nhiệm, tự ý thức và tính độc lập.

5. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi cho rằng để tạo điều kiện cho SV nhận thức đúng đắn và rèn luyện những đặc điểm cần thiết đối với nghề dạy học, thì nhà trường cần thực hiện những vấn đề sau:

- Nhà trường cần có chương trình đào tạo và những hoạt động để SV có điều kiện học tập và rèn luyện, nâng cao đạo đức nghề dạy học.

- Nâng cao chất lượng đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm để sau khi SV tốt nghiệp có thể giảng dạy một cách hiệu quả.

- Có chương trình rèn luyện những kỹ năng cần thiết đối với nghề dạy học cho SV, để SV phát huy những ưu điểm cá nhân.

Ghi chú: Bài báo được trích từ kết quả đề tài nghiên cứu: “Nhận thức và thái độ của sinh viên năm cuối Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đối với nghề dạy học”, mã số: CS.2011.19.36, tháng 5-2012.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Davut Köğçe, Mehmet Aydın, Cemalettin YILDIZ (2010), “Freshman and Senior Preservice Mathematics Teachers’ Attitudes Toward Teaching Profession, (Karadeniz Technical University, Trabzon, Turkey)”, *The International Journal of Research in Teacher Education* 2010, 2(1):2-18. ISSN: 1308-951X.
2. Osunde, A. U.; Izevbigie, T. I. (2006), “An assessment of teachers' attitude towards teaching profession in Midwestern Nigeria”, *Academic Journal Education*; Spring 2006, Vol. 126. Issue 3, p.462, March 2006.
3. Hülya YEŞİL (2011), “Turkish Language Teaching Students’ Attitudes towards Teaching Profession”, *Cyprus International University, International Online Journal of Educational Sciences*, ISSN: 1309-2707.
4. <http://www.adprima.com/profession.htm>
5. <http://lifestyle.iloveindia.com/lounge/characteristics-of-a-good-teacher-1807.html>
6. <http://www.uleth.ca/edu/runte/professional/teaprof.htm>

Người phân biện khoa học: TS. Trần Thị Thu Mai

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-12-2012; ngày phản biện đánh giá: 25-12-2012;

ngày chấp nhận đăng: 17-9-2013)